

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST

Ngày 20/8/2020

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tường Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Ngọc Nhung;
2. Bà Lại Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Dương Văn Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phan Thị Bích T – 1989; Cư trú: ấp C, xã X, huyện C, tỉnh Đ. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn L – 1988; Cư trú: ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Đ. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 04/5/2020; biên bản lấy lời khai đối chất, nguyên đơn chị Phan Thị Bích T trình bày: chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, đây là hôn nhân lần đầu của cả 2 người.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau, nguyên nhân là do anh L thường xuyên đi nhậu nhẹt với bạn bè, nhiều ngày đến 2 giờ sáng hoặc 3 giờ sáng mới về nhà. Anh L thường ghen tuông dùng những lời lẽ xúc phạm đến chị; đồng thời, do ở chung với nhà chồng nên cả 2 vợ chồng không thể nói chuyện với nhau, từ đó cả 2 không hòa hợp. Từ tháng 11/2019, chị T đã dẫn con về nhà mẹ ruột ở từ đó cho đến nay. Nay chị T không còn tình cảm, không muốn chung sống với anh L nên yêu cầu ly hôn với anh L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn H – sinh ngày: 17/8/2017. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: không có.

Các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp gồm: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (photo chứng thực); Giấy trích lục kết hôn; Giấy khai sinh con chung (bản sao);

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/6/2020 và biên bản đối chất, bị đơn là anh Nguyễn Văn L trình bày: anh thống nhất toàn bộ lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về mâu thuẫn anh cũng cho rằng do tính chất công việc anh cũng có đi nhậu về trễ từ đó vợ chồng hay cãi vã nhau. Nay anh đã nghỉ việc Công an xã để về làm rẫy để dành thời gian cho gia đình. Còn do anh vẫn còn thương vợ, nên khi tức giận, thấy vợ đang nhắn tin thì anh cũng có ghen tuông và có những lời lẽ không hay với chị T. Anh nhận thấy mình đã sai nên cũng mong chị T bỏ qua để vợ chồng đoàn tụ, anh hứa sẽ thay đổi bản thân. Anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn yêu thương vợ con, mong Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T anh chấp nhận giao con cho chị T nuôi dưỡng và theo ý kiến về cấp dưỡng của chị T.

Các tài liệu, chứng cứ bị đơn giao nộp gồm: không.

Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được: Biên bản xác minh nơi cư trú của bị đơn và tình trạng hôn nhân; biên bản lấy lời khai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về quan hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của HĐXX, thư ký và người tham gia tố tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với biên bản công khai chứng cứ tòa án lập còn thiếu nội dung theo quy định tại Điều 210 BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: xét mâu thuẫn giữa chị T và anh L là trầm trọng nên mục đích hôn nhân của cả 2 không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T và giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Chị Phan Thị Bích T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Văn L và yêu cầu nuôi con, nên đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại: xã L, huyện C, tỉnh Đ theo biên bản xác minh của tòa án; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn L đã được tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt anh L là phù hợp.

[2] Về việc áp dụng pháp luật: Chị T và anh L kết hôn với nhau tại UBND xã X từ năm 2016 và hiện tại chị T xin ly hôn. Vì vậy áp dụng Luật HN&GD năm 2014 để giải quyết tranh chấp về ly hôn cho anh chị là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Bích T và anh Nguyễn Văn L tự nguyện tìm hiểu, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 29/9/2016, nên hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Bích T nhận thấy: chị T cho rằng vì anh L thường xuyên ăn nhậu với bạn bè về nhà trễ, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng không có sự chia sẻ nhau, không tôn trọng lẫn nhau. Anh L thường xuyên ghen tuông vô cớ nên dùng những lời lẽ không hay nói chị. Đồng thời, vì cuộc sống vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng nên chị T không hợp nên từ đó dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng. Và chị T đã không còn chung sống với anh L từ tháng 11/2019 cho đến nay. Và anh L cũng thống nhất mâu thuẫn như lời trình bày của chị T. Tuy nhiên, anh cho rằng anh có thể khắc phục được và sẽ sửa chữa bản thân.

Việc vợ chồng chị T và anh L mâu thuẫn là có thật, bản thân anh L mong muốn hòa giải, tuy nhiên thời gian 2 vợ chồng sống ly thân cho đến ngày đã hơn 9 tháng nhưng anh L vẫn không thể thuyết phục được chị T quay về chung sống. Điều đó thể hiện vì các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nên làm cho hôn nhân của vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Với nhận định trên, Hội đồng xét xử quyết định cho chị Phan Thị Bích T ly hôn với anh Nguyễn Văn L là phù hợp.

[4] Về yêu cầu quyền được trực tiếp nuôi con chung: chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn H – sinh ngày 17/8/2017. Xét thấy: cháu H hiện còn nhỏ, hiện chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu; đồng thời anh L cũng đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng nếu HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Vì vậy, xét giao cháu Nguyễn H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: do chị T không yêu cầu anh L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên tạm thời không đặt ra xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh L.

[6] Về tài sản chung: do không ai yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: chị T và anh L trình bày không có nợ chung và hiện không ai có yêu cầu giải quyết về nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS thì chị T phải chịu án phí sơ thẩm.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 của BLTTDS; Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật HN&GD năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị Bích T ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn H – sinh ngày 17/8/2017 cho chị Phan Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng: Tạm thời không đặt ra xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Nguyễn Văn L.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo đảm cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động.

4. Về tài sản chung và nợ chung: do không ai yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phan Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001796 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VSKND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X (68/2016)
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Tường Vy